

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 01 năm 2026

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tường Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị KHén - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/12/1989; CCCD: 001189016209, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 29/04/2021; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 6, phường HD, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh Đỗ Minh T, sinh ngày 05/6/1986; CCCD: 001086052147, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 24/6/2021; Nơi ĐKKHKT: thôn TT, xã DX, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Hồng V là nguyên đơn trình bày: chị và anh Đỗ Minh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, Hện Phú Xuyên (nay là xã DX)*

năm 2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống ổn định, về cơ bản không phát sinh mâu thuẫn gì; nhưng mấy năm gần đây vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, sau đó dần trở nên căng thẳng hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, mặc dù hai vợ chồng cùng gia đình hai bên đã rất cố gắng tìm cách giải quyết nhưng tình trạng vẫn không thay đổi được, mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng hơn. Trước đây đã có thời điểm hai vợ chồng sống ly thân 3 năm, tuy sống chung một nhà nhưng không phát sinh quan hệ vợ chồng, việc ai người ấy làm, không nói chuyện. Nhưng sau đó nghĩ vì con nên anh chị lại quay về chung sống với nhau nhưng tình trạng vẫn không thay đổi được. gần đây nhất anh chị sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, chị không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Đỗ An H, sinh ngày 08/4/2017; Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/5/2020. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Đỗ Minh T là Bị đơn trình bày:* anh và chị Nguyễn Hồng V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, Hện Phú Xuyên (nay là xã DX), thành phố Hà Nội năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau bình thường, anh thừa nhận thời điểm hai vợ chồng gần như sống ly thân 3 năm, rất ít phát sinh quan hệ vợ chồng, việc ai người đó làm. Nhưng sau đó hai vợ chồng lại hoà thuận. Anh nghĩ mâu thuẫn hai vợ chồng anh chưa đến mức căng thẳng trầm trọng, thỉnh thoảng vẫn phát sinh quan hệ vợ chồng, chỉ là từ lâu, mấy năm nay hai vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau về cuộc sống của nhau, ai có việc người đó làm. Chị V làm cán bộ Thú Y ở nội thành Hà Nội, anh làm bác sỹ răng hàm mặt ở DX. Nay chị V có đơn xin ly hôn, quan điểm anh không đồng ý, vợ chồng anh chỉ là lâu rồi không chia sẻ với nhau về cuộc sống của nhau, không nói chuyện với nhau chứ chưa lần nào căng thẳng, anh chị cũng đã nói chuyện với bố mẹ hai bên, đều vun vén và khuyên 2 vợ chồng về đoàn tụ, anh chị cũng còn hai con chung nữa, mong toà hoà giải đoàn tụ cho vợ chồng anh.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Đỗ An H, sinh ngày 08/4/2017; Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/5/2020. Vì không đồng ý ly hôn nên anh chưa có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hoà giải lần 2 có trong hồ sơ vụ án thể hiện:*

- Những nội dung chị V và anh T đã thống nhất được:

Về con chung: chị V và anh T đều xác nhận có 02 con chung: Đỗ An H, sinh ngày 08/4/2017; Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/5/2020. Anh T và chị V tự nguyện thoả thuận và thống nhất, trường hợp toà giải quyết ly hôn thì giao con chung Đỗ An H cho anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đỗ Thanh T cho chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: hai vợ chồng đều xác nhận không có, đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị V nộp toàn bộ tiền án phí.

- Những nội dung chưa thống nhất được: Về tình cảm: chị V cương quyết xin ly hôn, đề nghị Toà không tiến hành hoà giải nữa, đưa vụ án ra xét xử luôn; anh T không đồng ý ly hôn, Toà cứ xét xử vụ án;

Chị V và anh T đều xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

** Tại đơn trình bày quan điểm và xin vắng mặt tại phiên toà đề ngày 10/01/2025 của anh T gửi đến Toà án thể hiện nội dung:* về con chung, tài sản và công nợ chung vẫn giữ nguyên như nội dung thoả thuận tại Biên bản hoà giải lần 2 có trong hồ sơ vụ án như nêu trên; về tình cảm: anh T nhận thấy chị V vẫn cương quyết xin ly hôn nên anh T cũng đồng ý ly hôn.

** Tại phiên tòa, chị V và anh T đều xin vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng hòa giải không thành. Nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: ghi nhận anh T và chị V thuận tình ly hôn; giao con chung Đỗ An H cho anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đỗ Thanh T cho chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T và chị V đều không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị V nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Hồng V làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Đỗ Minh T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn TT, xã DX, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Anh T và chị V đều xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Minh T và chị Nguyễn Hồng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, Hện Phú Xuyên (nay là xã DX) ngày 01/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng không nói chuyện, không chia sẻ được với nhau nên không tìm được tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai. Chị V cương quyết xin được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị V là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V cương quyết xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn nên HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị V là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T và chị V có 02 con chung: Đỗ An H, sinh ngày 08/4/2017; Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/5/2020. Anh T và chị V tự nguyện thỏa thuận và thống nhất, sau ly hôn giao con chung Đỗ An H cho anh T là người trực tiếp trông

nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đỗ Thanh T cho chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên; việc thoả thuận này là sự tự nguyện của anh T và chị V, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận đó.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh T và chị V đều xác nhận không có, đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị V phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: ghi nhận chị Nguyễn Hồng V và anh Đỗ Minh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: chị Nguyễn Hồng V và anh Đỗ Minh T có 02 con chung: Đỗ An H, sinh ngày 08/4/2017; Đỗ Thanh T, sinh ngày 07/5/2020. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh T và chị V: sau khi ly hôn giao con chung Đỗ An H cho anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung Đỗ Thanh T cho chị V là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T và chị V cho đến khi có thay đổi mới hoặc có yêu cầu khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị V và anh T đều xác nhận không có.

4. Về án phí: chị Nguyễn Hồng V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016710 ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhân:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện

